TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-8-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA -TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Lưu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1- ông Trần Văn Nhị
2- ông Nguyễn Ngọc Châu

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc " tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Hồng X – sinh năm: 1986. Địa chỉ: 399 ấp 1, xã H, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P - sinh năm:1983. Địa chỉ: 3/59 K3 Ô2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/5/2018, nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng X trình bày: Về quan hệ hôn nhân, bà X và ông P tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 97/2005. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông P cờ bạc, nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, đỉnh điểm là từ năm 2015 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay, nay bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông P. Về con chung: bà Trịnh Thị Hồng X và ông Nguyễn Văn P có 02 con chung tên Nguyễn Hồng H, sinh ngày 02/11/2005 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/01/2012, ly hôn bà X yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu

ông P cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn đúng như lời bà X trình bày, nay bà X yêu cầu ly hôn ông P đồng ý. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hồng H, sinh ngày 02/11/2005 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/01/2012, ly hôn ông P đồng ý giao con Nguyễn Hồng H cho bà X nuôi, ông P nuôi con Nguyễn Văn H, không ai cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: tài sản chung có 02 chiếc xe máy và 01 căn nhà cấp 4, ông P yêu cầu chia đôi: xe máy ông P 01 chiếc, bà X 01 chiếc; nhà yêu cầu chia đôi, ông P yêu cầu nhận giá trị nhà là 100.000.000đ. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa bà Trịnh Thị Hồng X với ông Nguyễn Văn P là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bà Trịnh Thị Hồng X không rút yêu cầu, ông Nguyễn Văn P đã được thông báo việc mở phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Trịnh Thị Hồng X và ông Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào năm 2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông P không phụ giúp gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2018, không còn quan tâm lẫn nhau. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà Trịnh Thị Hồng X và ông Nguyễn Văn P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của bà X, cho bà X được ly hôn với ông P.

[3] Về nuôi con chung: bà Trịnh Thị Hồng X và ông Nguyễn Văn P có 02 con chung tên Nguyễn Hồng H, sinh ngày 02/11/2005 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/01/2012, hiện tại cháu H đang ở với bà X, cháu H đang ở với ông P và tại bản tự khai ngày 20/6/2018 của cháu H thể hiện nguyện vọng muốn sống với bà X, nên giao cháu H cho bà X, giao cháu H cho ông P được tiếp tục nuôi con để ổn định tâm lý của đứa trẻ.

[4] Về chia tài sản: theo biên bản hòa giải ngày 20/6/2018 ông P yêu cầu chia tài sản chung gồm 02 xe máy, ông P 01 chiếc, bà X 01 chiếc; chia đôi nhà, ông P yêu cầu nhận giá trị nhà là 100.000.000đ và giao nhà cho bà X quản lý sử dụng. Tòa án đã thông báo cho ông P biết trong thời hạn 07 ngày làm việc để làm đơn yêu cầu chia tài sản, hết thời hạn nhưng ông P không nộp đơn yêu cầu chia tài sản nên Tòa án không giải quyết; Nếu các bên có tranh chấp về tài sản thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: không giải quyết.

[6] Về án phí: bà Trịnh Thị Hồng X là nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Thị Hồng X.

Về quan hệ hôn nhân: cho bà Trịnh Thị Hồng X ly hôn ông Nguyễn Văn P.

Về nuôi con chung: giao cho bà Trịnh Thị Hồng X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hồng H, sinh ngày 02/11/2005; giao cho ông Nguyễn Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/01/2012; không ai phải cấp nuôi con.

Bà Trịnh Thị Hồng X và ông Nguyễn Văn P được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Trịnh Thị Hồng X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003338 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, bà X đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bà X biết nếu không đồng ý với quyết định của bản án thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/8/2018. Bị đơn ông P vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND thị trấn Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

Nguyễn Lưu Thủy